

Bản án số: 121/2026/HS-ST
Ngày 30 tháng 6 năm 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10-PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bình Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Khảm và ông Đoàn Văn Đoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng –Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10-Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10-Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10-Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 104/2026/HSST ngày 15/5/2026. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2026/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2026 đối với bị cáo:

Phùng Văn D, sinh ngày 18 tháng 12 năm 1996; tại Phú Thọ; Nơi thường trú: thôn D, xã T, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 4/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Quang Đ và bà Hà Thị S; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại, có mặt.

Người bị hại: Anh Trần Văn T, sinh năm 1996, trú tại thôn T, xã N, tỉnh Phú Thọ,(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 29/8/2025 anh Trần Văn T điều khiển xe ô tô tải BKS: 19C-058.93 đến trang trại chăn nuôi gà của anh Ngô Duy P để chở phân gà cho bà Nguyễn Thị T1. Trong lúc làm việc anh T có đánh rơi 01 chiếc ví giả da màu nâu, đã cũ bên trong có số tiền 3.200.000 đồng; một số giấy tờ gồm: 01 căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 giấy phép lái xe hạng C, 01 thẻ ngân hàng B1 đều mang tên Trần Văn T và 01 thẻ bảo hiểm y tế mang tên Trần Tú L (con gái anh T). Sau khi biết mình bị rơi mất ví, anh T có đi tìm nhưng không thấy. Sáng ngày 02/9/2025 bà T1 gọi điện thoại nói cho anh T biết việc Phùng Văn D là người đi bốc phân gà thuê cho bà T1 đã gọi điện cho bà T1 thông báo nhặt được

chiếc ví của anh T và nhờ bà T1 nói lại. Sau khi xin số điện thoại của D từ bà T1, anh T sử dụng điện thoại di động lắp sim số 0973.620.375 gọi điện thoại đến số điện thoại 0785.688.745 của D, D nói với anh T đã mở chiếc ví ra, kiểm tra bên trong có một số giấy tờ mang tên anh T và số tiền 3.200.000 đồng. Do D đã nhặt được chiếc ví nên anh T không phải đi làm lại giấy tờ nữa, để cảm ơn anh T đã cho D số tiền 3.200.000 đồng trong ví và bảo D chỉ cần trả lại chiếc ví cùng giấy tờ cho anh T, D đồng ý. Sau đó, D tắt cuộc gọi điện thoại, mở chiếc ví ra lấy số tiền 3.200.000 đồng cất lại. Do nảy sinh lòng tham, biết những giấy tờ trong ví cần thiết cho công việc lái xe hàng ngày của anh T nên khi anh T gọi điện thoại lại cho D để lấy lại chiếc ví cùng giấy tờ thì D đã yêu cầu anh T phải đưa tiền để chuộc chiếc ví cùng giấy tờ, nếu không D sẽ vứt bỏ, anh T bảo D gửi lại ảnh chụp chiếc ví cùng giấy tờ để xác nhận lại. D sử dụng Zalo “Dương sẹo” của mình gửi ảnh đã chụp chiếc ví cùng giấy tờ qua Zalo “Trần Tư” của anh T đăng ký bằng số điện thoại 0973.620.375 cho anh T. Số tiền ban đầu D yêu cầu anh T là 2.000.000 đồng, anh T đồng ý. Thấy anh T đồng ý dễ dàng nên D đã tăng dần số tiền lên đến 6.000.000 đồng. Sau đó, D gửi cho anh T vị trí qua Z để hẹn gặp. Do lo sợ D không trả lại chiếc ví cùng giấy tờ nên anh T đã đến Công an xã L, tỉnh Phú Thọ để trình báo sự việc trên.

Khoảng 16 giờ 40 phút ngày 02/9/2025, anh T cầm theo số tiền 6.000.000 đồng rồi gọi xe taxi đi đến nơi D yêu cầu. Đến khoảng 17 giờ 10 phút cùng ngày anh T đến khu vực ngã tư K thuộc địa phận thôn K, xã T, tỉnh Phú Thọ vị trí D đã gửi trong Zalo. Khi đến nơi không thấy D nên anh T đã gọi điện thoại báo cho D biết. Khoảng 10 phút sau D đi xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, màu xanh, BKS: 19K1-301.68 đến, tại đây D yêu cầu anh T đưa số tiền 6.000.000 đồng để chuộc lại chiếc ví cùng giấy tờ. Sau khi anh T lấy số tiền 6.000.000 đồng mang theo trong người ra đưa cho D, Dương cầm tiền và đưa chiếc ví trả lại cho anh T. Lúc này, Công an xã L, tỉnh Phú Thọ phối hợp với Công an xã T, tỉnh Phú Thọ kiểm tra, phát hiện D có hành vi chiếm đoạt tài sản của anh T, Công an xã L tiến hành lập biên bản sự việc đồng thời thu giữ tang vật gồm:

Thu giữ trên tay anh T 01 ví giả da màu nâu bên trong gồm: 01 căn cước công dân; 01 giấy phép lái xe hạng A1 số 260183000538 do Sở giao thông tỉnh V, cấp ngày 25/5/2018 có giá trị không thời hạn; 01 giấy phép lái xe hạng C số 260183000538 do Sở giao thông vận tải tỉnh V cấp ngày 16/01/2023 có giá trị đến 16/01/2028; 01 thẻ ngân hàng BIDV số 9704186870002472009 đều mang tên Trần Văn T; 01 thẻ bảo hiểm y tế số 2621681184 mang tên Trần Tú L.

- Số tiền 6.000.000 đồng trên tay của D;

- 01 ví giả da màu nâu của D bên trong gồm: Số tiền 35.000 đồng; 01 căn cước công dân mang tên Phùng Văn D; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS: 19K1- 301.68 mang tên Trần Thị Mai H, địa chỉ: Khu A, xã C, tỉnh Phú Thọ; 01 điện thoại di động Redmi A5, số IMEI 1: 861001070785288, IMEI 2:

861001070751296, bên trong lắp sim số thuê bao: 0785.688.745; 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu xanh, BKS: 19K1-301.68, số máy: 3S31057914, số khung: S3106Y059714.

Sau khi sự việc xảy ra, Công an xã L báo cáo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh P để giải quyết theo quy định.

Anh T tự nguyện giao nộp 01 USB chứa file ghi âm ghi lại nội dung cuộc gọi điện thoại giữa anh T và D về việc D yêu cầu anh T đưa tiền để chuộc lại ví cùng giấy tờ, Cơ quan điều tra đã tiến hành niêm phong theo quy định ký hiệu A1.

Cơ quan điều tra đã tiến hành ghi âm giọng nói của Phùng Văn D vào 01 đĩa DVD được niêm phong ký hiệu A2.

Ngày 06/01/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh P ra Quyết định trưng cầu số A145 trưng cầu V Bộ C giám định nội dung trong mẫu gửi giám định ký hiệu A1 có bị chỉnh sửa hay cắt ghép không? Mẫu gửi giám định ký hiệu A1 so sánh với mẫu so sánh ký hiệu A2 có giọng nói của Phùng Văn D do Cơ quan điều tra thu thập có phải là cùng một người không? Nếu có thì trích ra văn bản câu nói của Phùng Văn D đã nói trong mẫu gửi giám định.

Tại Kết luận giám định số 80 ngày 14/4/2026 của V Bộ C, kết luận:

“Tìm thấy dấu vết cắt ghép (biên tập) nội dung âm thanh trong tệp ghi âm mẫu cần giám định.

Không tiến hành giám định các nội dung yêu cầu tiếp theo do tìm thấy dấu vết cắt ghép (biên tập) nội dung âm thanh trong tệp ghi âm mẫu cần giám định.

Kèm theo Kết luận giám định: Không.

H1 lại đối tượng giám định: Toàn bộ đối tượng giám định.”

Cơ quan điều tra đã tiến hành làm việc với anh T, anh T khai nhận khi anh T gọi điện thoại nói chuyện, trao đổi với D thì anh T có ghi âm lại. Do gọi điện thoại với D nhiều cuộc, mỗi lần tắt cuộc gọi điện thoại thì anh T đã bấm tạm dừng ghi âm, sau khi gọi điện thoại tiếp cho D thì anh T lại tiếp tục bấm ghi âm. Anh T không cắt ghép, chỉnh sửa, biên soạn hoặc thay đổi nội dung gì trong tệp ghi âm.

Cơ quan điều tra đã thông báo nội dung kết luận giám định cho anh T, D biết. Anh T, D đều đồng ý, không có ý kiến thắc mắc gì.

Đối với 01 USB chứa file ghi âm ghi lại nội dung cuộc gọi điện thoại giữa anh Trần Văn T và Phùng Văn D về việc D yêu cầu anh T đưa tiền để chuộc lại ví cùng giấy tờ, anh T tự nguyện giao nộp, không yêu cầu nhận lại; 01 đĩa DVD ghi âm giọng nói của D để làm mẫu so sánh gửi giám định. Đây là tài liệu, chứng cứ của vụ án nên chuyển theo hồ sơ vụ án.

Vật chứng vụ án gồm: 01 điện thoại di động Redmi A5, bên trong lắp sim số thuê bao 0785.688.745 của Phùng Văn D.

Trách nhiệm dân sự:

Sau khi xảy ra sự việc, Phùng Văn D đã tự nguyện bồi thường tổn thất về tinh thần cho anh Trần Văn T số tiền 9.200.000 đồng. Anh T đã nhận đủ số tiền trên, không có yêu cầu, đề nghị D phải bồi thường thêm gì khác.

Tại Cáo trạng số: 64/CT-VKSPTO-KV10 ngày 15 tháng 5 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10-Phú Thọ truy tố Phùng Văn D về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10-Phú Thọ luận tội đối với bị cáo Phùng Văn D và giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, xử phạt bị cáo Phùng Văn D từ 01 năm 03 tháng tù đến 01 năm 06 tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Xác nhận bị cáo đã bồi thường xong cho bị hại và đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, biên bản sự việc, vật chứng thu giữ, kết luận giám định cùng với các tài liệu chứng cứ khác thể hiện trong hồ sơ vụ án và phù hợp với nội dung Cáo trạng đã được đại diện Viện kiểm sát công bố tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Hồi 17 giờ 20 phút ngày 02/9/2025 tại khu vực ngã tư K thuộc địa phận thôn K, xã T, tỉnh Phú Thọ, Công an xã L, tỉnh Phú Thọ phối hợp với Công an xã T, tỉnh Phú Thọ phát hiện Phùng Văn D có hành vi chiếm đoạt số tiền 6.000.000 đồng của anh Trần Văn T bằng việc buộc anh T phải đưa số tiền 6.000.000 đồng để chuộc lại chiếc ví cùng giấy tờ mà anh T đã làm rơi.

Bị cáo nhận thức rõ hành vi cưỡng đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Do vậy, hành vi nêu trên của bị

cáo đã phạm vào tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025 quy định:

“1. Người nào ... có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.”

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Do vậy cần phải xử lý nghiêm để cải tạo riêng đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

Do đó Cáo trạng số: 64/CT-VKSPTO-KV10 ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10-Phủ Thọ đã truy tố bị cáo Phùng Văn D về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của người phạm tội, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị cáo Phùng Văn D phạm tội theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, có mức cao nhất của khung hình phạt đến 05 năm tù nên theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Bộ luật Hình sự thì trường hợp nêu trên thuộc tội phạm nghiêm trọng. Trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là bồi thường tổn thất về tinh thần cho bị hại và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy hành vi của bị cáo thuộc tội phạm nghiêm trọng, cần phải xử phạt bị cáo một mức án nhất định cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa mới đủ để răn đe, cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích.

[6] Về vật chứng và các vấn đề khác:

Đối với 01 ví giả da màu nâu bên trong gồm: 01 căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 giấy phép lái xe hạng C, 01 thẻ ngân hàng B1 đều mang tên Trần Văn T và 01 thẻ bảo hiểm y tế mang tên Trần Tú L là tài sản hợp pháp của anh Trần Văn T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh P đã trả lại cho anh T là phù hợp pháp luật.

Đối với số tiền 6.000.000 đồng Phùng Văn D chiếm đoạt của anh Trần Văn T. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của anh T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh P đã trả lại cho anh T là phù hợp pháp luật.

Đối với 01 ví giả da màu nâu bên trong gồm: Số tiền 35.000 đồng; 01 căn cước công dân mang tên Phùng Văn D là tài sản hợp pháp của Phùng Văn D không sử dụng vào việc phạm tội, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh P đã

tra lại tài sản trên cho D là phù hợp pháp luật.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRIUS, màu xanh, BKS: 19K1-301.68, số máy: 3S31057914, số khung: S3106Y059714; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS: 19K1- 301.68 mang tên Trần Thị Mai H, Phùng Văn D khai nhận khoảng tháng 6/2025 D mua chiếc xe mô tô trên của bà Nguyễn Thị T1. Bà T1 khai nhận đã mua chiếc xe mô tô từ một người công nhân người dân tộc làm thuê cho bà vào năm 2020, do thời gian đã lâu nên bà chỉ nhớ tên là Vàng A B, không rõ địa chỉ cụ thể, sau đó bán lại cho D. Quá trình điều tra xác định: Năm 2006, bà Trần Thị Mai H đã mua mới chiếc xe mô tô trên và đăng ký đứng tên bà. Đến năm 2014 do không có nhu cầu sử dụng nữa, bà H đã bán lại chiếc xe mô tô trên cho một người đàn ông thu mua xe cũ, do thời gian đã lâu nên bà không nhớ rõ họ tên, địa chỉ cụ thể. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh P tiến hành xác minh người đàn ông mua xe của bà H nhưng chưa xác định được người này là ai, ở đâu nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh về nguồn gốc chiếc xe mô tô trên, khi nào làm rõ xử lý sau là phù hợp pháp luật.

Đối với 01 điện thoại di động Redmi A5, bên trong lắp sim số thuê bao 0785.688.745 của Phùng Văn D. Quá trình điều tra xác định D dùng chiếc điện thoại trên liên lạc, trao đổi với anh T hện đến thôn K, xã T, tỉnh Phú Thọ để giao tiền nên cần tịch thu, bán phát mại sung vào ngân sách nhà nước; thẻ sim số thuê bao 0785.688.745 D dùng để thực hiện hành vi phạm tội, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi xảy ra sự việc, Phùng Văn D đã tự nguyện bồi thường tổn thất về tinh thần cho anh Trần Văn T số tiền 9.200.000 đồng. Anh T đã nhận đủ số tiền trên, không có yêu cầu, đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phùng Văn D phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”

Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Xử phạt bị cáo Phùng Văn D 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu, phát mại sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Redmi A5, tịch thu tiêu hủy thẻ sim số thuê bao 0785.688.745, (Có đặc điểm

như biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/6/2026 giữa Công an và Phòng thi hành án dân sự khu vực 10-Phú Thọ).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phùng Văn D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- VKSND khu vực 10-Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- Cơ quan THA hình sự tỉnh Phú Thọ,
- Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Bị cáo; Bị hại
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bình Thuận